



BẢN TIN SÁNG 08/06/2023

**MIỀN BẮC CÓ NGUY CƠ THIỂU ĐIỆN TRONG HẦU HẾT CÁC GIỜ TRONG NGÀY**

## Điểm tin vĩ mô

### Thế giới:

- Dow Jones tăng 0.27% lên 33665.02 điểm; Nasdaq Composite giảm -1.29% xuống 13104.89 điểm; S&P 500 giảm -0.38% xuống 4267.52 điểm.
- Hoa Kỳ: sự đảo ngược của đường cong lợi suất chính của trái phiếu Hoa Kỳ ngày càng gia tăng và các nhà giao dịch đã hoàn toàn hiểu được kỳ vọng tăng lãi suất của Fed vào tháng 7. Hoán đổi cho thấy Fed dự kiến chỉ có một lần cắt giảm lãi suất 25 bps vào năm 2023 so với mức lãi suất cao nhất.
- Hoa Kỳ: cán cân thương mại quốc tế T4.2023 thâm hụt 74.6 tỷ USD, dự kiến 75.2 tỷ USD.
- Anh: ghi nhận mức lạm phát vượt trên mọi sự tăng trưởng của nền kinh tế trong năm nay, được cho là ở mức 6.9% - vượt ngưỡng 6.6% được OECD đưa ra. Giá năng lượng sẽ giảm với tốc độ chậm là chạm mốc mục tiêu vào cuối năm 2024.
- OECD: tăng trưởng GDP toàn cầu được dự đoán sẽ chậm lại ở mức 2,7% vào năm 2023. Tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ được dự báo là 1,6% vào năm 2023. Dự kiến hai đợt cắt giảm lãi suất "khiêm tốn" từ Fed sẽ diễn ra vào nửa cuối năm 2024.

### Trong nước:

- VN-Index tăng 0.11% lên 1109.54 điểm; HNX-Index tăng 0.7% lên 230.33 điểm; VN30-Index tăng 0.3% lên 1105.68 điểm.
- Phó thủ tướng: ký Quyết định số 17 ngày 5/6/2023; trong đó sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn. Theo quy định mới, các hộ gia đình vùng khó khăn được vay tối đa là 100 triệu đồng/người với lãi suất là 9%/năm.
- Bộ Tài chính: tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư công nguồn NSNN năm 2023 là 809,246 tỷ đồng (vốn trong nước là 776,291 tỷ đồng, vốn nước ngoài là 29,000 tỷ đồng). Trong đó: Kế hoạch vốn đã giao là 796,358.6 tỷ đồng (vốn trong nước là 764,429 tỷ đồng, vốn nước ngoài là 31,929 tỷ đồng); kế hoạch vốn chưa giao là 12,887 tỷ đồng.
- Bộ Công thương: đã gặp mặt các cơ quan báo chí chiều 7/6 để cung cấp thông tin tình hình sản xuất, cung ứng điện trong điều kiện thời tiết nắng nóng. Hệ thống điện miền Bắc sẽ thiếu hụt khoảng 4.350 MW với sản lượng không đáp ứng được trung bình ngày khoảng là 30,9 triệu kWh, ngày cao nhất có thể lên tới 50.8 triệu kWh. Miền Bắc có nguy cơ thiếu công suất tại hầu hết các giờ trong ngày

## Điểm tin doanh nghiệp

- BCG Gaia được DBS Bank của Singapore giải ngân gói tín dụng 1,834 tỷ đồng.
- PSH: dự kiến phát hành thêm hơn 75.7 triệu cp riêng lẻ (tỷ lệ 60%) cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Giá chào bán dự kiến 14,000 đồng/cp, tương ứng số tiền huy động hơn 1,060 tỷ đồng.
- CKG: vừa thông qua nghị quyết tạm dừng triển khai phương án phát hành riêng lẻ 13.4 cp cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
- KDC: năm 2023, KIDO đặt mục tiêu doanh thu thuần 15,000 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 900 tỷ đồng, tăng lần lượt 20% và 76% so với thực hiện năm trước. Đây là mức lợi nhuận trước thuế cao nhất kể từ năm 2017.
- HDB: vừa được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) thông qua phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 15% và tăng vốn điều lệ lên 29,276 tỷ đồng, không lâu sau khi chốt danh sách cổ đông trả cổ tức tiền mặt tỷ lệ 10%.
- KDH: cho biết nhận được quyết định của Cục Thuế TPHCM về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế cho đợt thanh tra quyết toán thuế giai đoạn 5 năm từ 2018-2022.

## Điểm nhấn thị trường

- |                                         |         |
|-----------------------------------------|---------|
| <a href="#">1. TTCK Thế giới</a>        | Trang 2 |
| <a href="#">2. TTCK Việt Nam</a>        | Trang 3 |
| <a href="#">3. Giao dịch khối ngoại</a> | Trang 4 |
| <a href="#">4. Thị trường hàng hóa</a>  | Trang 5 |

# TTCK Thế giới: Chứng khoán Mỹ trái chiều

|                      | 8/6      | % Sáng<br>8/6 | 7/6      | % Ngày | % Tuần | % Tháng |
|----------------------|----------|---------------|----------|--------|--------|---------|
| VN INDEX             |          |               | 1,109.54 | 0.11%  | 3.20%  | 5.33%   |
| HNX INDEX            |          |               | 230.33   | 0.70%  | 3.38%  | 9.20%   |
| VN30 INDEX           |          |               | 1,105.68 | 0.30%  | 3.69%  | 5.33%   |
| Shanghai Composite   |          |               | 3,197.76 | 0.08%  | -0.21% | -5.81%  |
| Nikkei 225 NKY       |          |               | 31,905.0 | -0.03% | 2.43%  | 9.10%   |
| Korea Kospi          |          |               | 2,607.18 | -0.32% | 1.17%  | 4.25%   |
| Straits Times STI    |          |               | 3,179.58 | -0.33% | -0.25% | -2.66%  |
| Thailand SET         |          |               | 1,533.21 | 0.31%  | -0.10% | -0.01%  |
| Malaysia FBMKLCI     |          |               | 1,378.65 | -0.33% | -1.31% | -3.66%  |
| Philippines PCOMP    |          |               | 6,564.70 | 1.31%  | 1.35%  | -0.55%  |
| Indonesia JCI        |          |               | 6,619.76 | 0.01%  | -0.92% | -2.83%  |
| S&P500 SPX           |          |               | 4,267.52 | -0.38% | 2.10%  | 3.17%   |
| S&P500 Futures       | 3,711.75 | 0.98%         | 4,274.25 | -0.36% | 1.11%  | 2.94%   |
| Dow Jones Industrial |          |               | 33,665.0 | 0.27%  | 2.30%  | -0.03%  |
| Nasdaq Composite     |          |               | 13,104.9 | -1.29% | 1.31%  | 7.11%   |
| Euro Stoxx 50        |          |               | 4,291.91 | -0.08% | 1.75%  | -1.30%  |
| FTSE 100 UKX         |          |               | 7,624.34 | -0.05% | 2.39%  | -1.02%  |
| Russian MOEX         |          |               | 2,694.69 | 0.50%  | -0.84% | 6.16%   |

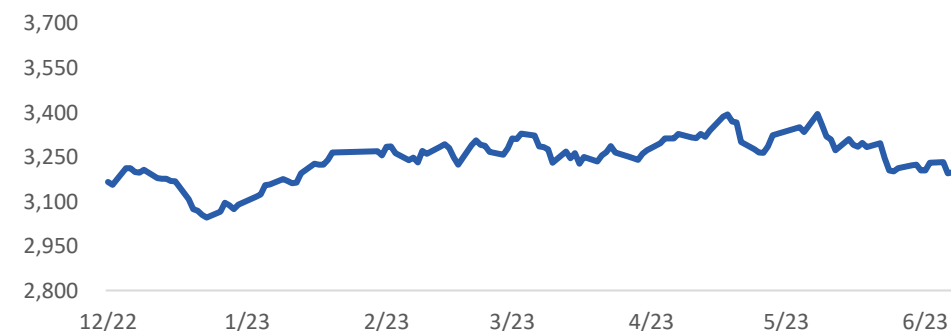
Nguồn: Bloomberg, BSC

| Shanghai Composite |            | S&P 500   |           |
|--------------------|------------|-----------|-----------|
| Xu hướng           | Điều chỉnh | Xu hướng  | Hồi phục  |
| Kháng cự           | 3270-3310  | Kháng cự  | 4320      |
| Hỗ trợ             | 3145-3155  | Hỗ trợ    | 4200      |
| Điểm PTKT          | TRUNG LẬP  | Điểm PTKT | TRUNG LẬP |

Diễn biến S&P 500



Diễn biến Shanghai Composite



Nguồn: Bloomberg, BSC

# TTCK Việt Nam: VN-Index tiếp tục tăng

| Ngành                   | % Ngày | % Tuần | % Tháng |
|-------------------------|--------|--------|---------|
| Bán lẻ                  | 0.32%  | 6.09%  | 9.83%   |
| Bảo hiểm                | 0.12%  | 1.85%  | -0.65%  |
| Bất động sản            | 0.93%  | 2.60%  | 7.93%   |
| Công nghệ Thông tin     | -0.26% | 1.60%  | 8.79%   |
| Dầu khí                 | 0.23%  | 2.51%  | 9.22%   |
| Dịch vụ tài chính       | 0.35%  | 5.51%  | 16.55%  |
| Điện, nước & xăng dầu   | -0.33% | 1.42%  | 5.08%   |
| Du lịch và Giải trí     | -0.62% | 0.23%  | 2.33%   |
| Dịch vụ Công nghiệp     | 1.26%  | 4.23%  | 6.19%   |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | -0.15% | 1.76%  | 0.87%   |
| Hóa chất                | -0.06% | 3.89%  | 14.71%  |
| Ngân hàng               | -0.66% | 4.14%  | 7.38%   |
| Ô tô và phụ tùng        | 1.44%  | 4.38%  | 8.53%   |
| Tài nguyên Cơ bản       | 3.21%  | 6.06%  | 6.95%   |
| Thực phẩm và đồ uống    | -0.07% | 0.80%  | -1.19%  |
| Truyền thông            | 0.76%  | -5.69% | -5.19%  |
| Viễn thông              | 0.00%  | 9.35%  | 1.13%   |
| Xây dựng và Vật liệu    | 1.41%  | 2.34%  | 12.71%  |
| Y tế                    | 0.28%  | 1.66%  | 1.95%   |

Nguồn: Fiinpro, BSC



Nguồn: Tradingview, BSC

| VN INDEX  |           |
|-----------|-----------|
| Xu hướng  | Hồi phục  |
| Kháng cự  | 1125-1150 |
| Hỗ trợ    | 1090      |
| Điểm PTKT | TRUNG LẬP |

| Cập nhật thị trường                                                                                                                                                           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Thị trường đi ngang quanh vùng 1,110 và kết phiên tại mốc 1,109.54. Trong những phiên tới, thị trường có thể sẽ trải qua sự giằng co ngắn hạn sau đợt hồi phục mạnh trước đó. |

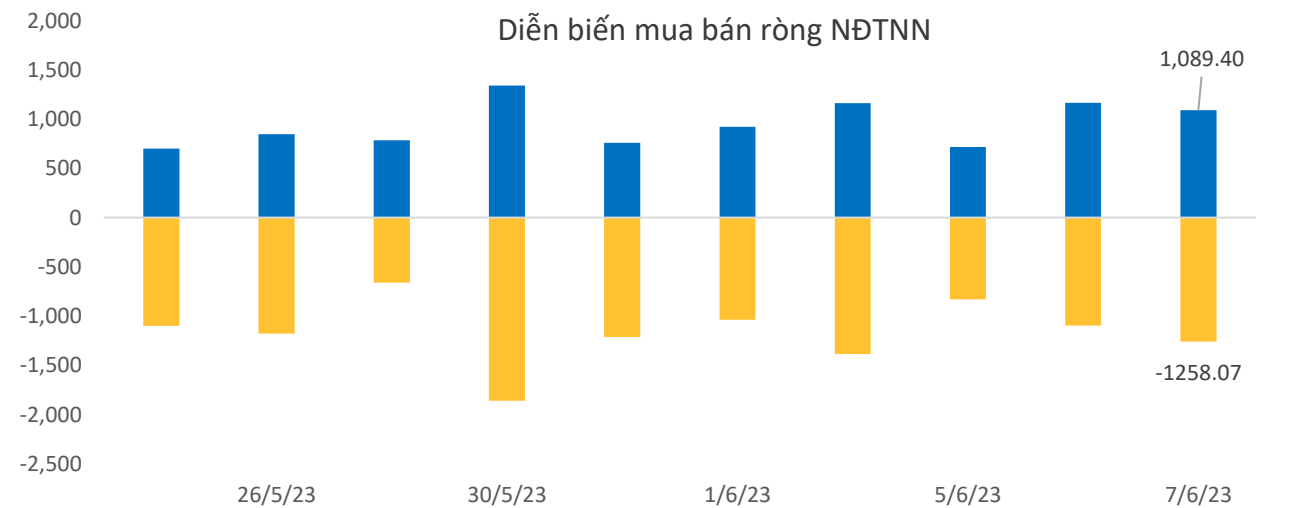
Khối ngoại: ETF có diễn biến trái chiều

| ETF          | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng<br>chỉ quỹ | %<br>Premium | Dòng vốn ròng (triệu USD) |        |        |        | Nhận định                                                                                                                                                                                                                                |
|--------------|------------------|-----------------|--------------------|--------------|---------------------------|--------|--------|--------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|              |                  |                 |                    |              | 1D                        | 1W     | 1M     | 3M     |                                                                                                                                                                                                                                          |
| E1VFN30      | 346.1            | 0.8             | (2.4)              | 0.1%         | -1.9                      | -12.8  | -21.0  | -27.1  | ETF E1, Diamond, Finlead giảm quy mô; VNM gia tăng quy mô.<br>Các ETF khác có trạng thái cân bằng và giữ nguyên quy mô.<br>Khối ngoại bán ròng ở thị trường Malaysia, Hàn Quốc, Srilanka, Viet Nam và mua ròng ở các thị trường còn lại. |
| FUEMAVN30    | 15.1             | 0.6             | 0.0                | 0.8%         | 0.0                       | -0.2   | -0.1   | -0.4   |                                                                                                                                                                                                                                          |
| FUESSVFL     | 175.9            | 0.7             | (0.7)              | 0.6%         | -0.5                      | 1.1    | -0.7   | -6.1   |                                                                                                                                                                                                                                          |
| FUESSVN30    | 4.3              | 0.6             | 0.0                | -2.4%        | 0.0                       | 0.1    | 0.2    | 1.1    |                                                                                                                                                                                                                                          |
| FUEVFNVD     | 781.8            | 1.0             | (1.1)              | 0.5%         | -1.1                      | -22.3  | -30.3  | -53.4  |                                                                                                                                                                                                                                          |
| FUEVN100     | 11.1             | 0.6             | 0.0                | 0.5%         | 0.0                       | 0.0    | 0.0    | 0.6    |                                                                                                                                                                                                                                          |
| FTSE Vietnam | 343.9            | 27.4            | -                  | 0.9%         | 0.0                       | -      | 0.8    | 9.2    |                                                                                                                                                                                                                                          |
| FUBON FTSE   | 848.2            | 0.4             | -                  | -1.3%        | 0.0                       | -      | 1.1    | 71.1   |                                                                                                                                                                                                                                          |
| iShare       | 654.0            | 25.5            | -                  | -0.2%        | 0.0                       | (12.7) | (28.8) | (41.0) |                                                                                                                                                                                                                                          |
| KIM          | 144.8            | 13.4            | -                  | 0.1%         | 0.0                       | -      | -      | 3.9    |                                                                                                                                                                                                                                          |
| PREMIA       | 16.3             | 7.8             | -                  | 0.5%         | 0.0                       | 0.0    | 0.0    | 0.3    |                                                                                                                                                                                                                                          |
| VNM          | 532.2            | 13.1            | 0.4                | 0.6%         | 5.2                       | 5.8    | 1.9    | (20.6) |                                                                                                                                                                                                                                          |

| Khối ngoại (tr. USD) | Ngày     | Lũy kế từ đầu tuần | Lũy kế từ đầu tháng |
|----------------------|----------|--------------------|---------------------|
| Việt Nam             | (5.82)   | (7.02)             | (20.15)             |
| ASEAN4*              | 41.06    | 58.24              | (66.54)             |
| Ấn Độ                | 134.48   | 72.37              | 472.12              |
| Đài Loan             | 502.07   | 528.65             | 963.23              |
| Hàn Quốc             | (139.86) | (49.65)            | 260.18              |
| Nhật Bản             |          | 4,366.07           | 4,366.10            |
| Trung Quốc           |          |                    | (8,437.25)          |

Ghi chú: \* Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia

| Credit Default Swap | MoM %  |
|---------------------|--------|
| Việt Nam            | -17.11 |
| Trung Quốc          | -13.39 |
| Singapore           | -17.11 |
| Phillippines        | -12.42 |
| Malaysia            | -16.43 |



Nguồn: Fiinpro, BSC

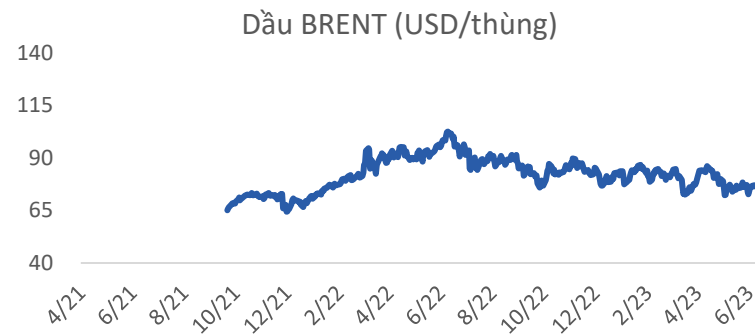
## Thị trường hàng hóa: Giá dầu tăng

| Mặt hàng  | Đơn vị   | 8/6      | % Sáng | 7/6      | % Ngày | % Tuần | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|-----------|----------|----------|--------|----------|--------|--------|---------|--------------------|--------------------|
| Dầu WTI   | USD/bbl. | 72.54    | 0.01%  | 72.53    | 1.10%  | 3.48%  | -0.73%  | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| Dầu Brent | USD/bbl. | 76.90    | -0.06% | 76.95    | 0.87%  | 3.53%  | -0.48%  | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| Xăng      | USD/gal. | 265.56   | 0.55%  | 264.12   | 3.00%  | 9.01%  | 9.66%   | PLX, OIL           | HVN, VJC           |
| Vàng      | USD/oz.  | 1,946.40 | 0.33%  | 1,940.02 | -1.20% | -1.58% | -4.33%  | PNJ                |                    |
| Bạc       | USD/oz.  | 23.54    | 0.52%  | 23.42    | -0.64% | -1.33% | -8.05%  | PNJ                |                    |
| Đậu tương | USD/cwt. | 1,354.00 | -0.50% | 1,360.75 | 0.55%  | 1.84%  | -5.56%  | HKB                | DBC, QNS           |
| Lúa mỳ    | USd/bu.  | 614.50   | -0.36% | 616.75   | -1.75% | 0.61%  | -6.04%  |                    | AFX                |
| Sữa       | USd/bu.  | 16.59    | 0.36%  | 16.53    | 1.47%  | 0.18%  | -6.27%  | VNM, GTN, QNS      | KDC                |
| Cao su    | JPY/kg.  | 213.00   | 0.28%  | 212.40   | 1.53%  | 3.10%  | 0.47%   | DPR, PHR, HAG, HNG | SRC, CSM, DRC      |
| Đường     | USd/lb.  | 24.24    | -0.21% | 24.29    | 0.41%  | -2.02% | -6.66%  | SBT, LSS, SLS, QNS | VNM, GTN, QNS      |
| Cà phê    | USd/lb.  | 181.70   | 1.20%  | 179.55   | -0.36% | 3.33%  | -2.10%  | CTP, DLG           | VCF, CTP           |
| Đồng      | USD/MT   |          |        | 8,293.50 | -0.55% | 2.53%  | -2.35%  | MSN, ACM, BGM      | CAV, SAM, TGP, VTH |
| Thép      | CNY/MT   | 3,659.00 | 0.77%  | 3,631.00 | -0.66% | 4.33%  | -1.64%  | HSG, HPG, NKG      | PC1, CTD, HBC      |
| Nhôm      | USD/MT   |          |        | 2,219.00 | 0.41%  | -1.20% | -2.97%  |                    | CAV, SAM, TGP, VTH |
| Quặng sắt | CNY/MT   | 788.50   | 2.34%  | 770.50   | 0.13%  | 8.83%  | 9.21%   |                    | HPG                |
| Than      | USD/MT   |          |        | 141.85   | 1.98%  | 4.88%  | -18.76% | HLC, NBC, TNT, THT | HT1, BCC, PPC, POW |

Ghi chú: USD = US Cent

### Cập nhật thị trường

Giá dầu tăng vào ngày thứ Tư (07/06), khi kế hoạch cắt giảm sản lượng nhiều hơn của Ả-rập Xê-út lấn át những khó khăn về nhu cầu.



Nguồn: Bloomberg, BSC

# Khuyến cáo sử dụng

*Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của CTCP Chứng khoán BIDV.*

## **BSC Trụ sở chính**

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thaiholdings  
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

## **BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 8 3821 8885  
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>  
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



## **Đối với Phân tích Nghiên cứu**

Phòng Phân tích Nghiên cứu  
[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)  
(+84) 39352722 - Ext 108

## **Đối với Khách hàng tổ chức**

Phòng TVĐT và môi giới KHTC  
[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)  
(+84)2439264659

## **Đối với Khách hàng cá nhân**

Trung tâm tư vấn i-Center  
[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)  
(+84)2437173639

## Mạng lưới Nhà đầu tư BSC

*\* Quý nhà đầu tư vui lòng đặt câu hỏi tại phần bình luận để được tư vấn trực tiếp.*

*\* Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)*



### DANH MỤC BÁO CÁO BSC

*Quý khách vui lòng quét mã QR bằng app Zalo để tham khảo các*



### CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

*Quý khách vui lòng quét mã QR bằng app Zalo để tham gia*